TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17-10-2019
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tiến;

2. Ông Lê Hoàng Điểm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị H, sinh năm 1980 (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Hồ Văn D, sinh năm 1978 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 5 năm 2019 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Qua thời gian quen biết, tìm hiểu nhau nên bà Trần Thị H và ông Hồ Văn D kết hôn với nhau từ năm 1998, có tổ chức đám cưới gả theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đất Mới, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau vào năm 2010. Khi mới kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Xét thấy đời

sống chung vợ chồng không thể duy trì và cũng không đạt được hạnh phúc nên bà Trần Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Hồ Văn D.

- Về nuôi con chung: Có 02 người con tên Hồ Kỳ A, sinh năm 1998 (nam) đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và Hồ Bảo K, sinh ngày 08/8/2005 (nam), hiện đang sống chung với bà H. Khi ly hôn bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Bảo K, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai đề ngày 26 tháng 6 năm 2019, bị đơn ông Hồ Văn D trình bày:

Năm 1998 ông D có tìm hiểu và chung sống với bà Trần Thị H, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới gả theo phong tục, tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đất Mới, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau vào năm 2010.

Khi mới kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, nhưng đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hôn nhân không đạt hạnh phúc nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Xét thấy, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên ông D đồng ý ly hôn với bà Trần Thị H.

- Về nuôi con chung: Có 02 người con tên Hồ Kỳ A, sinh năm 1998 (nam) đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và Hồ Bảo K, sinh ngày 08/8/2005 (nam), hiện đang sống chung với bà H. Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Bà H yêu cầu ly hôn; Yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Bảo K, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung và công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông D có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Tại đơn xin vắng mặt ngày 26/6/2019, bị đơn ông Hồ Văn D xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không tiến hành mở phiên

hòa giải được; ông Hồ Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Qua thời gian quen biết, tìm hiểu nhau nên bà Trần Thị H và ông Hồ Văn D kết hôn với nhau từ năm 1998, có tổ chức đám cưới gả theo phong tục, tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Đất Mới, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 250 ngày 31 tháng 12 năm 2010. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của bà H và ông D được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký.

Xét thấy, bà H xin ly hôn là vì trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Trong thời gian sống ly thân giữ bà H và ông D không có biện pháp hàn gắn hôn nhân.Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của bà H và ông D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H. Bà H được ly hôn với ông D theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Có 02 người con tên Hồ Kỳ A, sinh năm 1998 (nam) đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và Hồ Bảo K, sinh ngày 08/8/2005 (nam), hiện đang sống với bà H. Từ khi sống ly thân cho đến nay thì Bảo K vẫn do bà H nuôi dưỡng và chăm sóc, cho nên khi ly hôn bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Bảo K. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con, Tòa án đã làm việc trực tiếp với cháu Bảo K thì cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ nên Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của cháu, giao cháu Hồ Bảo K, sinh ngày 08/8/2005 (nam), cho bà H tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng.

Ông D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự *"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có*

đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó", do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp chận cho ly hôn đều phải chịu án phí nên bà H phải chịu nộp 300.000 đồng, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị H. Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Hồ Văn D.

2. Về nuôi con chung: Giao cho bà H tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Hồ Bảo K, sinh ngày 08/8/2005 (nam).

Ông D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng bà H phải chịu nộp án phí, bà H có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0006757 ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được khấu trừ, không phải nộp tiếp.

"Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- UBND xã Đất Mới;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tạo